

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 10  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGDST  
Ngày 06 - 02 -2026  
“V/v ly hôn, nuôi con chung.”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10  
TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Đình Quốc
2. Bà Lê Thị Phương Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Châu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh L.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh L:** Bà Lê Thị Hải Yến – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự.

**\*/Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Tổ 5, Khu phố 12, phường M, tỉnh L.

**\*/Bị đơn:** Ông Lê Minh T, sinh năm 1998

Địa chỉ: Khu phố L, phường M, tỉnh L.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt,

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lê Minh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 317/2018 ngày 20/12/2018. Trong quá trình chung sống bà và ông T không hợp nhau thường xuyên cãi vã, do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 01 con chung – Lê Trần Bích T, sinh ngày 05/01/2015. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con, chưa yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên Tòa bị đơn ông Lê Minh T vắng mặt.*

Bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố L, phường M, tỉnh L, Tòa án đã thông báo cho ông T biết việc bà T yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về con chung giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] - Về thủ tục tố tụng:** Thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Minh T có nơi cư trú tại khu phố L, phường M, tỉnh L. Căn cứ theo qui định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 tỉnh L.

**[2] - Nội dung vụ án:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Lê Minh T là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh B,

theo giấy chứng nhận kết hôn số 317/2018 ngày 20/12/2018. Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T phát sinh mâu thuẫn, theo bà cho rằng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa nhau, không hòa hợp với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông T. Khi Tòa án thông báo cho ông T biết việc bà T xin ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay vẫn không có mặt ông T, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt ông T là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp bà T.

**[3] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà Trần Thị T và ông Lê Minh T đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh B, theo giấy chứng nhận kết hôn số 317/2018 ngày 20/12/2018. Qua tự khai và phần trình bày của bà T tại phiên tòa HĐXX nhận thấy đời sống chung của vợ chồng bà T và ông T không được hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Bà T và ông T hiện đã sống ly thân từ lâu nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T là hoàn toàn chính đáng. Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà T thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 nên yêu cầu xin ly hôn của bà T được chấp nhận.

**[4] Về con chung:** có 1 con chung Lê Trần Bích T, sinh ngày 05/01/2019

Giao con cho bà T được quyền nuôi con, bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

**[5] Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

**[6] Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[7] Về án phí:** Bà Trần Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh L phát biểu quan điểm vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn. Về con chung: giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xét. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hợp lý nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

## **1/ Áp dụng:**

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 3, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## **2/ Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị T được ly hôn ông Lê Minh T.

- **Về con chung:** Có 01 con chung Lê Trần Bích T, sinh ngày 05/01/2019. Giao con chung cho bà T được quyền nuôi con, Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà T và ông T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0010213 ngày 10/12/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh L thu. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của bà Trần Thị T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/02/2026). Quyền kháng cáo của ông Lê Minh T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 10-L;
- THA dân sự tỉnh L;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Dũng**